

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

V/v dự toán kinh phí lập Đề án di dời tàu thuyền neo đậu tại Cảng cá Quy Nhơn về neo đậu khu vực Đầm Đề Gi

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 4514/QĐ-UBND ngày 11/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt đề cương nhiệm vụ Đề án di dời tàu thuyền neo đậu tại cảng cá Quy Nhơn về neo đậu khu vực Đầm Đề Gi;

Căn cứ Quyết định số 5263/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc bổ sung dự toán kinh phí cho Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn để thực hiện lập Đề án di dời tàu thuyền neo đậu tại cảng cá Quy Nhơn về neo đậu khu vực Đầm Đề Gi;

Theo đề nghị của Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 54/TTr-SNN ngày 17/02/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán kinh phí lập Đề án di dời tàu thuyền neo đậu tại cảng cá Quy Nhơn về neo đậu khu vực Đầm Đề Gi, cụ thể như sau:

1. Tên đề án: Đề án di dời tàu thuyền neo đậu tại cảng cá Quy Nhơn về neo đậu khu vực đầm Đề Gi.

2. Cơ quan chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và PTNT.

3. Đại diện chủ đầu tư: Chi cục Thủy sản.

4. Dự toán kinh phí: 336.049.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm ba mươi sáu triệu, không trăm bốn mươi chín nghìn đồng).

5. Nguồn vốn thực hiện: được giao tại Quyết định số 5263/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND tỉnh Bình Định.

(Có phụ lục dự toán chi tiết kèm theo)

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT chỉ đạo đơn vị liên quan triển khai thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chi cục trưởng Chi

cục Thủy sản và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT TT UBND tỉnh Nguyễn Tuấn Thanh;
- CVP, PVP NN;
- Lưu: VT, K13 (15b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục

DỰ TOÁN KINH PHÍ LẬP ĐỀ ÁN DI DỜI TÀU THUYỀN NEO ĐẬU TẠI CẢNG CÁ QUY NHƠN VỀ NEO ĐẬU KHU VỰC ĐÀM ĐỀ GI

(Ban hành kèm theo Quyết định số

/QĐ-UBND ngày

/02/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Hạng mục công việc	Mục/văn bản áp dụng	Đơn vị tính	Định mức công	Khối lượng	Tổng số công	Hệ số lương	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	Chi phí trực tiếp (I+II)								254.268.561	
I	Chi phí nhân công								203.414.849	
1	Chuẩn bị								19.818.417	
1.1	Thu thập tài liệu, bản đồ liên quan	A.1.3-QĐ 487	CT	15	1	15	3.33	278.532	4.177.980	
1.2	Xây dựng đề cương và dự toán kinh phí	A.2.3-QĐ 487	CT	11	1	11	5.42	453.346	4.986.806	
1.3	Hội nghị thông qua đề cương, dự toán	A.3-QĐ 487	CT	20	1	20	5.42	453.346	9.066.920	
1.4	Chỉnh sửa đề cương, dự toán	A.4-QĐ 487	CT	4	1	3.5	5.42	453.346	1.586.711	
2	Tổng hợp xây dựng đề án (nội nghiệp)	487/QĐ-BNN							152.973.968	
2.1	Phân tích số liệu (phục vụ viết báo cáo)	C.85.3-QĐ 487	Công/CT	150	1	150	4.98	416.543	62.481.450	
2.2	Viết báo cáo đề án	C.86.3-QĐ 487	Công/CT	60	1	60	4.98	416.543	24.992.580	
2.3	Số hóa biên tập bản đồ các khu neo đậu tàu thuyền hiện tại, định hướng mở rộng, bố trí các khu neo đậu tàu thuyền mới; khu tái định cư; dịch vụ hậu cần nghề cá	C.79.4-QĐ 487	Công/mảnh	126	1	126	3.636	303.625	38.256.750	
2.4	Chỉnh sửa đề án, trình phê duyệt	C.89.3-QĐ 487	Công/CT	16.5	1	16.5	3.99	333.736	5.506.644	
2.5	In ấn, giao nộp thành quả	C.91-QĐ 487	Công/CT	8	1	8	3.27	273.513	2.188.104	
2.6	Kiểm tra nội nghiệp (15% công nội nghiệp) (từ 3.1 đến 3.5)	C.90-QĐ 487	Công/CT	15%	360.5	54.1	4.32	361.339	19.548.440	
3	Công phục vụ 1/15 (công Ngoại + Nội nghiệp)	D.92-QĐ 487	Công	1/15	415	27.6	4.03	337.082	9.303.463	
4	Quản lý = (công chuẩn bị + ngoại nghiệp + nội nghiệp + phục vụ) x 12%	D.93-QĐ 487	Công	12%	492	59	4.32	361.339	21.319.001	
II	Chi phí vật liệu								50.853.712	
1	Chi phí vật liệu = 5% chi phí nhân công	86-690/QĐ-BNN	CT	5%					10.170.742	
2	Chi phí máy (khấu hao) = 20% chi phí nhân công	87-690/QĐ-BNN	CT	20%					40.682.970	
B	Chi phí hội nghị	487/QĐ-BNN				95			39.571.585	
1	Tổ chức Hội nghị lần I (cấp huyện)	C.88.1.3-QĐ 487	CT	60	1	60	4.98	416.543	24.992.580	
2	Tổ chức Hội nghị lần II (cấp huyện)	C.87.1-QĐ 487	CT	35	1	35	4.98	416.543	14.579.005	
C	Thu nhập chịu thuế tính trước (A) x 6%	11/2021/TT-BXD							15.256.114	
D	Thuế VAT = (A + C) x 10%								26.952.467	
	Tổng cộng A+B+C+D								336.048.727	
	Làm tròn								336.049.000	